**ÔN TẬP MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MAC LÊ NIN**

**Câu 1: Sự hình thành và phát triển:**

+ Giai đoạn 1: Từ thời cổ đại đến cuối thế kỉ 18. Trong giai đoạn này có những tư tưởng kinh tế thời kì cổ, trung đại (từ thời cổ đại đến thế kỉ 15) - chủ nghĩa trọng thương (từ thế kỉ 15 đến cuối thế kỉ 18, nổi bật là lí thuyết kinh tế của các nhà kinh tế ở Anh, Pháp, Ý) - chủ nghĩa trọng nông (từ giữa thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 18, nổi bật là lí thuyết kinh tế của các nhà kinh tế ở Pháp) - kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh (từ giữa thế kỉ 17 đến cuối thế kỉ 18).

+ Giai đoạn thứ hai từ sau thế kỉ 18 đến nay, là lí luận kinh tế chính trị phát triển theo các hướng khác nhau, với các dòng lí thuyết kinh tế đa dạng:

⚫ Dòng lí thuyết kinh tế chính trị của Các Mác(1818 -1883): Các Mác đã kế thừa trực tiếp những giá trị khoa học của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh để phá triển lí luận kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bnả chủ nghĩa. Cùng với Các Mac, Ph.Ăng Ghen (1820 – 1895) cũng là người có công lao vĩ đại trong việc công bố lí luận kinh tế chính trị, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác.

⚫ Sau khi Các Mac và Ph.Ăng-ghen qua đời, V.I.Lê-nin tiếp tục kế thừa, bổ sung phát triển lí luận kinh tế chính trị theo phương pháp luận của Các Mác và có nhiều đóng góp quan trọng. Trong đó nổi bật là kết quả nghiên cứu, chỉ ra đặc điểm kinh tế của Chủ nghĩa Tư bản giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, những vấn đề kinh tế chính trị cơ bnả của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, … Với ý nghĩa đó, dòng lý thuyết kinh tế chính trị này được định danh tên gọi là **Kinh tế chính trị Mac - Lê-nin.**

⚫ Sau khi Lê-nin qua đời, các nhà nghiên cứu kinh tế của Đảng Cộng Sản tiếp tục nghiên cứu và bổ sung, phát triển kinh tế chính trị Mac –Lê-nin cho đến ngày nay. Cùng với lí luận của Đảng Cộng Sản, hiện nay trên thế giới có rất nhiều nhà kih tế nghiên cứu kinh tế chính trị theo hướng tiếp cận của kinh tế chính trị của Các Mác với nhiều công trình được công bố trên khắp thế giới.

**Câu 2:**

* **Khái niệm: Sản xuất hàng hóa** là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó, những người sản xuất ra sản phẩm không nhằm mục đích phục vụ nhu cầu tiêu dùng của chính mình mà để trao đổi, mua bán.
* **Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa:**

***+*** *Điều kiện thứ nhất, phân công lao động xã hội:*

⚫ Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội thành ra các ngành, nghề khác nhau của nền sản xuất xã hội.

⚫ Do phân công lao động xã hội nên mỗi người sản xuất chỉ snr xuất một hoặc vài loại hàng hóa nhưng nhu cầu của họ lại cần nhiều loại nên cần trao đổi.

*+ Điều kiện thứ hai, sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất:*

⚫ Sự tách biệt do các quan hệ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất quy định, xác định người sở hữu tư liệu sản xuất là người sở hữu sản phẩm lao động làm cho người sản xuất độc lập với nhau. Do vậy người này muốn dùng sản phẩm của người kia phải thông qua sự mua bán hàng hóa.

⚫ Khi còn sự hiện diện của hai điều kiện trên, con người không thể dùng ý chí chủ quan mà xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa được. Việc cố tình xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa sẽ làm cho xã hội đi tới chỗ khan hiếm và khủng hoảng. Với ý nghĩa đó, cầ khẳng định, nền sản xuất hàng hóa có ưu thế tích cực vượt trội so với nền sản xuất tự cung tự cấp.

* Các ưu thế của sản xuất hàng hóa:

+ Mở rộng quy mô sx:

+ Cạnh tranh sx:

**Câu 3:**

* **Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa:**

**+** Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định (Mỗi lao động cụ thể có mục đích, phương pháp, kết quả sản xuất riêng). Lao đọng cụ thể tạo ra một giá trị sử dụng nhất định.

**+** Lao động trừu tượng là lao động của người sản xuất hàng hóa đã không kể đến hình thức biểu hiện cụ thể của nó, là sự hao phí sức lao động nói chung của người sản xuất hàng hóa về cơ bắp, thần kinh, trí óc.

⚫Lao động trừu tượng là lao động đồng chất của người sản xuất hàng hóa.

⚫ Lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hóa.

* **Chỉ sản xuất lao động hàng hóa mới có tính hai mặt vì**

⚫Đây là hoạt động trực tiếp tạo ra của cải vật chất & có mối liên hệ giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng và có sự mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội.

⚫ Sở dĩ hàng hoá có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị là do lao động sản xuất hàng hoá có tính hai mặt. Chính tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá quyết định tính hai mặt của bản thân hàng hoá. C. Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

**Câu 4:**

* **Bản chất của “tiền”:** Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, tiền xuất hiện là yếu tố ngang giá chung cho thế giới hàng hóa.Tiền là hình thái biểu hiện giá trị của hàng hóa. Tiền phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa.
* **Chức năng của “tiền tệ”:**

**+** Thước đo giá trị: Để làm chức năng thước đo giá trị thì tiền tệ phải là tiền vàng nhưng không cần thiết là tiền mặt.

**+** Phương tiện lưu thông: Tiền được dùng làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hóa. Do yêu cầu lưu thông hàng hóa mà tiền giấy, tiền kim loại, ... ra đời.

**+** Phương tiện cất trữ: Tiền là đại diện cho giá trị, cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị nên tiền có thể cất trữ. Tiền tệ là phương tiện cất trữ phải có đủ giá trị nên là vàng là bạc.

**+** Phương tiện thanh toán: Là phương tiện thanh toán tiền dùng để trả nợ, nộp thuế, thanh toán tiền hàng mua chịu,... Chức năng phương tiện thanh toán của tiền gắn liền với chế độ tín dụng thương mại, tức mua bán thông qua chế độ tín dụng, thanh toán mà không dùng tiền mặt mà chỉ dùng tiền trên sổ sách kế toán, hoặc tiền trpng tào khoản, tiền ngân hàng, tiền điện tử.

**+** Tiền tệ Thế giới: Khi buôn bán hàng hóa vượt khoit biên giới Quốc gia thì tiền tệ làm chức năng tiền tệ thế giới. Lúc này tiền được dùng làm phương tiện mua bán, thanh toán Quốc tế giũa các nước với nhau. Để thực hiện chức năng này, tiền phải có đủ giá trị, phải là tiền vàng hoặc những đồng tiền được công nhận là phường tiện thanh toán quốc tế.

* **Tiền tệ là một loại hàng hóa đặc biệt vì**

+ Những hàng hóa không phải là tiền thì nó không thể đem trao đổi với hàng hóa khác. Nhưng tiền thì có thể. Đồng thời trong việc sử dụng tiền thì ít phải liên quan đến những công sức lao động được kết tinh trong nó.

+ Tiền được dùng làm vật trung gian để mua bán các loại hàng hóa cụ thể khác. Hay nói theo chiều hướng khác trong vô số loại hàng hóa. Thì nó được tách ra làm vật ngang giá chung. Đồng thời nó là kết quả của mối quan hệ giữa những người sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa,

+ Tiền xuất hiện thế giới chia làm 2 cực

**Câu 5:**

* **KN:**

+ Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể kinh tế với nhau.

+ Theo nghĩa rộng, thị trường là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hành hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.

* **Vai trò của thị trường:**

**+** Một là, thị trường là điều kiện, môi trường cho sản xuất phá triển.

**+** Hai là, thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách phân bố nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế.

**+** Ba là, thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chính thể, gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế gới.

* **Chức năng của thị trường:**

### + Chức năng thừa nhận

⚫ Hàng hóa được sản xuất ra, người sản xuất phải bán nó. Việc bán hàng được thực hiện thông qua chức năng thừa nhận của thị trường. Thị trường thừa nhận chính mình là người mua chấp nhập, có nghĩa là về cơ bản quá trình tái xuất xã hội của hàng hóa đã hoàn thành. Bởi bản than việc  tiêu dùng sản phẩm và các chi phí tiêu dùng cũng đã khẳng định trên thị trường khi hàng hóa được bán.

⚫ Thị trường chỉ thừa nhận những hàng hóa, dịch vụ nếu nó phù hợp với những đòi hỏi của người tiêu dùng. Những hàng hóa vô dụng, kém chất lượng, cung vượt qua cầu, không cung ứng đúng thời gian và địa điểm của khách hàng đòi hỏi thì sẽ không bán được, nghĩa là chúng  không được thị trường chấp nhận.

+ **Chức năng thực hiện**

⚫ Sau khi được [thị trường](http://www.luanvantaichinh.net/2017/08/khai-niem-chuan-thi-truong-la-gi.html) thừa nhận thị trường sẽ tiến hành chức năng thực hiện. Thị trường là nơi thực hiện giá trị của hàng hóa thông qua các hoạt động mua bán giữa người mua và người bán.

⚫ Giá trị hàng hóa và dịch vụ được thực hiện thông qua giá cả thị trường trên cơ sở giá trị sử dụng của chúng  được  thị trường thùa nhận, giá trị của hàng hóa được thực hiện, người bán thu được tiền về từ người mua thì quyền sở hữu hàng hóa được chuyển từ người bán sang người mua, hàng hóa đi sang lĩnh vực tiêu dùng cá nhân ở đó giá trị sử dụng nó sẽ được thực hiện, đó là mục đích  cuối cùng của sản xuất.

⚫ Giá trị trao đổi là cơ sở vô cùng quan trọng để hìng thành nên cơ cấu sản phẩm, các quan hệ tỷ lệ về kinh tế trên thị trường.

## + Chức năng điều tiết , kích thích

⚫Sự vận động của các quy luật kinh tế của thị trường thông qua quan hệ cung cầu và tín hiệu giá cả của thi trường sẽ phát hiện chức năng điều tiết của thị trường với sản xuất, lưu thông và tiêu dùng của xã hội.

⚫ Nhu cầu thị trường là mục đích của quá trình sản xuất. Thị trường vừa là mục tiêu vừa tạo động lực để thể hiện các mục tiêu đó. Đây là cơ sở để chức năng điều tiết và kích thích của thị trường phát huy vai trò của mình.

**+ Chức năng thông tin:**  Trong tất cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất hàng hóa, chỉ có thị trường mới có chức năng thông tin.

⚫ Thị trường thông tin về tổng số cung, tổng số cầu, cơ cấu cung – cầu, quan hệ cung cầu đối với từng loại hàng hóa, giá cả thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường, các yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

⚫ Thị trường cho người sản xuất biết thông tin nên cung cấp sản phẩm hàng hóa  nào, khối lượng bao nhiêu, khi nào, cho ai, ở đâu.

⚫ Thị trường chỉ cho người tiêu dùng biết nên tìm kiếm mặt hàng mình cần ở đâu nên chọn mặt hàng nào phù hợp với khả năng của mình.

* **Ưu thế của nền kinh tế thị trường:**

**⚫** Một là, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự hình thành ý tưởng mới của các chủ thể kinh tế.

**⚫** Hai là, nền kinh tế thị trường luôn thực hiên jphast huy tốt tiềm năng của mọi chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia trong quan hệ với thế giới.

**⚫** Ba là nên kinh tế thị trường luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

* **Khuyết tật của nền kinh tế thị trường:**

**⚫** Một là, xét trên ohamj vi toàn bộ nền sản xuất xã hội, nền kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng.

**⚫** Hai là, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, môi trường xã hội.

**⚫** Ba là, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

* **Liên hệ ưu và nhược điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam:**

**+ Ưu điểm**

**⚫** Kinh tế thị trường VN thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển tạo ra sự cạnh tranh gắt gao giữa các nhà sản xuất. Người tiêu dùng được thoả mãn nhu cầu cũng như đáp ứng được đầy đủ mọi chủng loại hàng hoá và dịch vụ.

**⚫** Phân công lao động ngày càng xã hội hoá cao. Mở rộng quan hệ nhiều loại thị trường từ thị trường địa phương, thị trường dân tộc và khu vực, thi trường quốc tế.

**⚫** Tạo xu thế liên doanh, liên kết đẩy mạnh giao lưu kinh tế, các nước đang phát triển có cơ hội được tiếp xúc được chuyển giao công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý từ các nước phát triển để thúc đẩy công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế ở nước mình

**⚫** Kinh tế thị trường góp phần thúc đẩy giao lưu nước ta với các nước trên thế gới dưới sự thể hiện qua cac sản phẩm dịch vụ mang bản sắc riêng của từng dân tộc, từng địa phương, từng quốc gia

**+ Nhược điểm**

**⚫**Kinh tế thị trường phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, lúc đó vai trò của kinh tế nhà nước bị giảm sút và chịu sức ép mạnh mẽ tư các thành phần kinh tế khác.

**⚫** Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh trạnh gắt gao giã các nhà sản xuất và các quốc gia, các nhà phân phối dẫn đến thất nghiệp tăng cao hoạt động phúc lợi xã hội bị giảm sút.

**⚫**Nền kinh tế thị trường do các nhà sản xuất hàng hoá dịch vụ chạy theo lợi nhuận gây ra hậu quả về môi trường sinh thái làm giảm tốc độ tăng trưởng bền vững của quốc gia.

**⚫** Đem lại là các tệ nạn xã hội mới nảy sinh cang ngày càng gia tăng.  
Nền kinh tế thị trường với bản chất của nó là lợi nhận tối đa thì việc cần định hướng cho các thành phần kinh tế là rất quan trọng, nếu không sẽ có nguy cơ đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa đối lập với bản chất của nhà nước ta.

**Câu 6:**

**\* KN: Thị trường (Câu 5)**

**\* Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường:**

- Người sản xuất: người cùng cấp hàng hóa, dịch vụ, đáp ứng yêu cầu xã hội và đạt lợi nhuận tối đa. Cung cấp hàng hóa, dịch vụ không anht hưởng đến lợi ích người tiêu dùng

- Người tiêu dùng: định hướng sản xuất, quyết định sự thành bại của sản xuất.

Trách nhiệm đến sự phát triển bền vững của xã hội

- Các chủ thể trung gian: kết nối thông tin trong quan hệ mua bán, tạo cơ hội làm tăng giá trị hàng hóa và thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng. Cần loại trù trung gian ko phù hợp chuẩn mực đạo đức

- Nhà nước: tạo hành lang pháp lý để quản lý và khắc phục khuyết tật trong thị trường. Tạo lập môi trường kinh tế tốt cho các chủ thể phát huy sức sáng tạo

**\* Liên hệ thực tiễn:**

+ Người sản xuất luôn đáp ứng đủ nhu cầu cho khách hàng và cung cấp những mặt hàng đảm bảo chất lượng cho khách hàng.

+ Người tiêu dùng biết lựa chọn hàng hóa và ưu tiên sử dụng hàng trong nước để khẳng định chất lượng của hàng Việt Nam.

+ Nhà nước luôn điều tiết hàng hóa và khắc phục những hạn chế của thị trường và điều tiết giá cả trong thị trường.

**Câu 7:**

* **KN:** Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người làm thuê) tạo ra & thuộc về nhà tư bản.
* Lao động sống là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư.
* **Bản chất của giá trị thặng dư:**

+ Tỉ suất giá trị thặng dư là tỉ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến cần thiết để sản xuất ra giá trị thặng dư đó (kí hiệu m’).

**m’ = . 100%**

* Tỉ suất giá trị thặng dư nói lên trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuê.

+ Khối lượng giá trị thặng dư là tích số giữa giá trị thặng dư với tư bản khả biến được sử dụng. Kí hiệu là M: **M = m’ . V**

* Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh quy mô bóc lột của tư bản, chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì khối lượng giá trị thặng dư càng tăng.
* **So sánh hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối** | **Sản xuất giá trị thặng dư tương đối** |
| Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu trong khi các yếu tố khác không đổi (Năng suất lao động, giá trị sức lao động, thời gian lao động tất yếu). | Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội nhờ đó mà tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ. |

**Câu 8:**

* **KN:** Tích luỹ tư bản là quá trình biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản  
  phụ thêm để mở rộng sản xuất.
* **Nội dung cơ bản của tích lũy tư bản:** Bản chất của tích lũy tư bản là quá trình tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa thông qua việc biến giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để mở rộng kinh doanh thông qua mua thêm hàng hóa, sức lao động, mở mang nhà xưởng, mua nguyên vật liệu, trang bị thêm máy móc thiết bị.
* **Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy:**

+ Thứ nhất, nâng cao tỉ suất giá trị thặng dư.

+ Thứ hai, nâng cao năng suất lao động.

+ Thứ ba, sử dụng hiệu quả máy móc.

+ Thứ tư, đại lượng tư bản ứng trước.

* **Liên hệ thực tiễn:** Ở nước ta, mô hình chăn nuôi trang trại rất phổ biến. Sau khi xuất một đợt, chủ trang trại tích lũy vốn và mở rộng thêm quy mô trang trại và tăng thêm giống cho đợt sau.

**Câu 9:**

* **KN:** Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người làm thuê) tạo ra & thuộc về nhà tư bản.
* **Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong Chủ nghĩa tư bản:**

**+** Lợi nhuận: “Giá trị thặng dư, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước, mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận”.

⚫ Để sản xuất hàng hóa phải có chi phí lao động quá khứ và lao động sống, khi đó giá trị hàng hóa được tạo ra là **W = c + v + m**.

⚫ Chi phí sản xuất: Nhà tư bản phải mua tư liệu sản xuất (c) và thuê lao động (v), như vậy, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là **k = c + v. K**hi đó, giá trị hàng hóa sẽ biểu hiện ra dưới hình thái khác là **W = k + m.**

⚫ Bản chất của lợi nhuận: Sự hình thành phạm trù chi phí sản xuất cùng với việc giá cả sức lao động biểu hiện ra dưới hình thái chuyển hóa là tiền công, là nguyên nhân làm cho giá trị thặng dư biểu hiện ra dưới hình thái chuyển hóa là lợi nhuận (**p**). Khi xuất hiện phạm trù lợi nhuận thì giá trị hàng hóa sẽ biểu hiện thành **W = k + p.**

⚫ Tỉ suất lợi nhuận là tỉ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước.

⚫ Tỉ suất Lợi nhuận bình quân là con số trung bình của tất cả các tỉ suất lợi nhuận khác nhau.

### + Lợi tức của tư bản cho vay và lợi nhuận ngân hàng

⚫ Tư bản cho vay (TBCV) là một bộ phận của tư bản tiền tệ **tạm thời nhàn rỗi** trong quá trình tuần hoàn của TBCN được tách ra và vận động độc lập với TBCN. TBCV là tư bản tiền tệ mà **người chủ** của nó **nhường** cho một **người khác** sử dụng trong một thời gian để nhận được một số lời nào đó.

⚫Số lời đó gọi là lợi tức (**Z**). Hình thức vận động của TBCV T – T’.

### + Địa tô

#### ⚫ Định nghĩa: Địa tô tư bản chủ nghĩa là bộ phận lợi nhuận siêu ngạch do lao động của công nhân làm thuê trong lĩnh vực nông nghiệp tạo ra sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp buộc phải nộp cho nhà địa chủ (R).

#### ⚫ Hình thức:

⧫ Địa tô chênh lệch là số dư ngoài lợi nhuận bình quân thu được trên những ruộng đất tốt và trung bình so với ruộng đất kém nhất, là số chênh lệch giữa giá cả sản xuất chung của nông phẩm được quyết định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất và giá cả cá biệt trên ruộng đất tốt và trung bình.

⧫ Địa tô tuyệt đối là địa tô mà tất cả các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp đều phải nộp cho địa chủ dù ruộng đất tốt hay xấu. Đây là loại tô thu trên tất cả mọi thứ ruộng đất. Địa tô tuyệt đối cũng là một loại lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân, hình thành do cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp, mà bất cứ nhà tư bản thuê loại ruộng đất nào đều phải nộp cho địa chủ.

**Câu 10:**

* **KN:** Giá trị thặng dư, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước, mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận, (là biến tướng của giá trị thặng dư).
* **Bản chất của lợi nhuận:**

**+** Trong thực tế sản xuất kinh doanh, giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất có một khoảng chênh lệch. Cho nên sau khi bán hàng hóa (bán ngang giá), nhà tư bản không những bù đắp được số chi phí đã ứng ra mà còn thu được số chênh lệch bằng giá trị thặng dư. Số chênh lệch này được Cac Mac gọi là lợi nhuận.

**+** Kí hiệu lợi nhuận là p => khi đó giá trị hàng hóa được viết là G = k + p

* **Bản chất của lợi nhuận bình quân:**

**+** Tỉ suất Lợi nhuận bình quân là con số trung bình của tất cả các tỉ suất lợi nhuận khác nhau, hay tỉ suất lợi nhuận bình quân là tỉ số tính theo % giữa tổng giá trị thặng dư và tổng tư bản xã hội (kí hiệu là P’). **. 100%**

+ Lợi nhận bình quân là lợi nhuận thu được theo tỉ suất lợi nhuận bình quân (kí hiệu là :  **= P’ . K**

+ Khi lợi nhuận bình quân trở thành quy luật phổ biến chi phối các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thì giá trị của hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất và tính bằng: **GCSX = K +**

* **Vận dụng vào thực tiễn:** Lợi nhuận bình quân của một công ty trong một tháng tính bằng trung bình của tất cả các lợi nhuận khác.

**Câu 11:**

**- Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền:**

**+** Thứ nhất, tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền: Tổ chức độc quyền là liên minh giữa những nhà tư bản lớn để tập trung vào trong tay một phần lớn (thậm chí toàn bộ) sản phẩm của một ngành, cho phép liên minh này phát huy ảnh hưởng quyết định đến quá trình sản xuất vad lưu thông của ngành đó.

+ Thứ hai, tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối sâu sắc nền kinh tế:

⚫ Tư bản tài chính là sự thâm nhập và dung hợp vào nhau giữa tư bản độc quyền trong ngân hàng và tư bản độc quyền trong công nghiệp.

⚫ Hệ thống tài phiệt thực hiện sự thống trị của mình bằng chế độ tham dự, Thực chất chế độ tham dự là nhà tư bản tài chính lớn hoặc một tập đoàn tài chính nhờ nắm được số cổ phiếu mà khống chế công ty gốc hay “công ty mẹ”chi phối các “công ty con”. Bởi vậy, với một số tư bản nhất định, một đầu sỏ tư bản tài chính có thể chi phối được nhũng lĩnh vực sản xuất rất lớn.

+ Thứ ba, Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến

⚫ Xét về hình thức đầu tư, có xuất khẩu tư bản trực tiếp và xuất khẩu tư bản gián tiếp. Xét về sở hữu tư bản có xuất khẩu tư bản nhà nước và xuất khẩu tư bản tư nhân.

⚫ Xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị tài chính ra toàn thế giới.

+ Thứ tư, Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền:

⚫ Xuất khẩu tư bản tăng lên tất yếu dẫn tới việc phân chia thế gới về mặt kinh tế, tức là phân chia lĩnh vực đầu tư tư bản, phân chia thị trường thế giới. Trong giai đoạn Chủ nghĩa Đế quốc, cuộc đấu tranh giành thị trường tiêu thụ nguồn nguyên liệu và lĩnh vực đầu tư có lợi nhuận cao trở nên gay gắt.

⚫ Ngày nay, sự phân chia thế giới về kinh tế có những biểu hiện mới, đó là xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa kinh tế ngày càng tăng bên cạnh xu hướng khu vực hóa nền kinh tế.

+ Thứ năm, sự phân chia thế giới về địa lí giữa các cường quốc:

⚫ Chủ nghĩa tư bản phát triển cao, nhu cầu nguyên liệu lớn thì cuộc chiến đấu để chiếm thuộc địa càng quyết liệt. Do quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản, đây chính là nguyên nhân dẫn tới 2 cuộc chiến tranh thế giới và những xung đột nóng ở nhiều khu vực trên thế giới.

⚫ Hiện nay, sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc tư bản vẫn tiếp tục dưới những hình thức cạnh tranh và thống trị mới.

* Đặc điểm giữ vai trò quyết định nhất là Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền vì mỗi nơi có nền kinh tế độc quyền & phát triển theo mỗi hướng khác nhau.

**Câu 12:**

* **Nguyên nhân ra đời và bản chất của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa:**

**+ Nguyên nhân:**

⚫ Một là, tích tụ và tập trung vốn ngày càng lớn thì tích tụ và tập trung sản xuất càng cao, sinh ra những cơ cấu kinh tế to lớn đòi hỏi phải có một sự điều tiết từ một trung tâm đối với sản xuất và phân phối.

⚫ Hai là, Nhà nước tư bản trong khi đảm nhiệm kinh doanh những ngành đó, tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác có lợi.

⚫ Ba là, sự thống trị của độc quyền đã làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa giai cấp tư sản & vô sản & nhân dân lao động. Nhà nước phải có chính sách xoa dịu những mâu thuẫn đó.

⚫ Bốn là, cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường. Đòi hỏi phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế, Nhà nước tư sản có vai trò quan trọng để giải quyết các quan hệ đó.

**+ Bản chất của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa:**

⚫ Độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản hình thành nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền tư nhân và tiếp tục duy trì, phát triển Chủ nghĩa Tư bản.

⚫ Độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản là sự thống nhất của ba quá trình gắn bó chặt chẽ với nhau: Tăng sức mạnh của các tổ chức độc quyền, tăng vai trò can thiệp của nhà nước vào kinh tế, kết hợp sức mạnh của độc quyền tư nhân với sức mạnh nhà nước trong một cơ chế thống nhất và làm cho bộ máy Nhà nước ngày càng phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền.

**Câu 13:**

* **Bản chất của xuất khẩu tư bản:**

**+** Xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản Chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị tài chính ra toàn thế giới.

**+** Xét về hình thức đầu tư có xuất khẩu tư bản trực tiếp (đưa tư bản ra nước ngoài để trực tiếp kinh doanh và thu lợi nhuận cao) và xuất khẩu tư bản gián tiếp (cho vay để thu lợi tức).

**+** Xét về sở hữu tư bản có tư bản xuất khẩu tư bản nhà nước và tư xuất khẩu tư bản tư nhân.

* Những biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản hiện nay:

+ Thứ nhất, trước kia luồng tư bản xuất khẩu chủ yếu ở các nước tư bản phát triển sang các nước kém phát triển. Những thập niên gần đây, đại bộ phận dòng đầu tư chảy qua lại giữa các nước tư bản phát triển với nhau.

+ Thứ hai, chủ thể xuất khẩu có sự thay đổi.

+ Thứ ba, hình thức xuất khẩu rất đa dạng, sự đan xen giữa xuất khẩu tư bản và xuất khẩu hàng hóa tăng lên.

+ Thứ tư, sự áp đặt mang tính chất thực dân trong xuất khẩu tư bản đã được gỡ bỏ dần và nguyên tắc cùng có lợi trong đầu tư được đề cao.

* **Liên hệ thực tiễn Việt Nam:**

**+** Nước ta đã & đang xuất khẩu nhiều nông sản, thủy hải sản, khoáng sản, ... sang các nước lớn trên thế giới và không bị mang tính chất thực dân khi không bị đánh thuế cao.

**+** Chủ thể xuất khẩu bây giờ không chỉ là Nhà nước mà các thương nhân, tư nhân có thể tự xuất khẩu sản phẩm của mình ra nước ngoài.

**Câu 14:**

* **Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam:**

+ Về mục tiêu: Kinh tế thị trường định hướng XHCN là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật, của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

+ Về quan hệ sở hữu và phát triển thành phần kinh tế: Kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ Nghĩa ở Việt nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Các chủ thể thuộc thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh, cùng phát triển theo pháp luật.

+ Về quan hệ quản lí nền kinh tế: Quan hệ quản lí và cơ chế quản lí trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hôi Chủ Nghĩa ở Việt Nam có những đặc trưng riêng đó là: Nhà nước quản lí và thực hành cơ chế quản lí là Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, sự làm chủ và giám sát của Nhân dân với mục tiêu dùng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho Chủ nghĩa Xã hội, vì “ dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

+ Về quan hệ phân phối: Phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo phúc lợi là những hình thức phân phối phản ánh định hướng Xã hội Chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

+ Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: Nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam phải thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển Văn hóa – xã hội; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường.

* **So sánh với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa:**

+ Về mục tiêu: Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mục tiêu là làm giàu cho giai cấp tư sản.

+ Về quan hệ sở hữu và phát triển thành phần kinh tế: Giai cấp tư sản nắm trong tay mọi quyền hành sản xuất. Giai cấp vô sản bị giai cấp tư sản bóc lột để làm giàu cho các nhà tư bản. Tư sản và vô sản có nhữn mâu thuẫn gay gắt.

+ Về quan hệ quản lí nền kinh tế: Giai cấp tư sản quản lí hoạt động của nền kinh tế.

+ Về quan hệ phân phối: Giai cấp vô sản tuy là người trực tiếp sản xuất ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó lại thuộc về giai cấp tư sản.

+ Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản gay gắt, nhiều cuộc biểu tình, đấu tranh của giai cấp vô sản nổ ra để chống đối với những chính sách áp bức của giai cấp tư sản.

**Câu 15:**

* **KN:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo.
* **Tính khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam:**

+ Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa là phù hợp với quy luật phát triển khách quan: Nước ta đang từng bước xác lập một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo. Các quốc gia trên thế giới cũng đang từng bước phát triển nên nếu không phát triển kinh tế thì chúng ta sẽ bị tụt hậu phía sau.

+ Hai là, do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đảy phát triển: Nền kinh tế muốn phát triển mạnh thì cần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh & mỗi quốc gia đều có những mục tiêu phát triển kinh tế khác nhau.

+ Ba là, do đó là mô hình kinh tế thị trường phù hợp với nguyện vọng của nhân dân muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh: Nước ta lấy kinh tế là mục tiêu phát triển hàng đầu & nhân dân luôn muốn được một Nhà nước giàu mạnh, văn minh cũng như mục tiêu tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

**Câu 16:**

**- KN:** Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nề nsanr xuất xã hội đó.

**- Vai trò của Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích:**

**+** Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế:

**⚫** Các hoạt động kinh tế bao giờ cũng diễn ra một môi trường nhất định. Môi trường càng thuận lợi, các hoạt động kinh tế càng hiêu quả và không ngừng mở rộng.

**⚫** Tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, trước hết là giữ vững ổn định chính trị.

**⚫** Đòi hỏi phải xây dựng được môi trường pháp luật thông thoáng, bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh tế trong và ngoài nước, đặc biệt là lợi ích của đất nước.

**⚫** Tất yếu phải đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng của nền kinh tế (bao gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, hệ thống cầu cống, hệ thống điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc).

**⚫** Tạo môi trường văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường.

+ Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.

**⚫** Nhà nước cần thực hiện hiêu jquar các chính sách xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản.

**⚫** Để lợi ích kinh tế thật sự là động lực của các hoạt động kinh tế, người lao động và người sử dụng lao động phải có nhận thức và hành động đúng trong lĩnh vực phân phối thu nhập.

**⚫** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lí vi phạm là đặc biệt cần thiết.

+ Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế:

⚫ Mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế là khách quan, nếu không được giải quyết sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến động lực của các hoạt động kinh tế. Do đó, khi cácmaau thuẫn phá sinh cần được giải quyết kịp thời.

⚫ Ngăn ngừa là chính nhưng khi mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế bùng phát có thể dẫn đến xung đột (đình công, bãi công, ...). Khi có xung đột giữa các chủ thể kinh tế, cần có sự tham gia hòa giải của các tổ chức xã hội có liên quan, đặc biệt là Nhà nước.

* **Liên hệ thực tiễn:**

**+** Nước CHXHCN Việt Nam luôn bảo vệ lợi ích hợp pháp cho mỗi công dân, tập thể và xây dựng chế độ chính trị ổn định để cùng phát triển và hưởng lợi từ kinh tế. Bên cạnh đó nước ta dã và đang xây dựng kết cấu hạ tầng của nền kinh tế (mỗi năm hoàn thành nhiều tuyến đường sắt, đường bộ, các sân bay, các tuyến đường thủy giữa các khu vực và với các quốc gia khác cùng với nhiều công trình khác), đồng thời đã và đang xây dựng một hệ thống pháp luật chặt chẽ, bảo vệ lợi ích của cá nhân, tập thể

+ Nước ta đã và đang thực hiện những chính sách xóa đói giảm nghèo cùng một số chính sách nhân đạo khác đến các vùng sâu vùng xa (vùng 135) tạo điều kiện để các nơi đó phát triển kinh tế và hưởng thụ các dịch vụ xã hội. Đồng thời dã và đang đấu tranh phòng chống tham nhũng và xử lí nghiêm các cá nhân, tổ chức có hành vi chống đối Đảng & bộ máy Nhà nước.

+ Nước ta cũng đã và đang từng bước gíir quyết các mâu thuẫn trong việc hưởng lợi ích kinh tế để mỗi cá nhân , tập thể kinh tế đều được hưởng lợi ích xứng đáng.

**Câu 17:**

**-KN:**

**+** Thể chế là những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lí và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh các hoạt động của con người trong một chế độ xã hội

+ Thể chế kinh tế là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lí và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh các hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

**+** Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN: Là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống pháp luật, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thi trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

**- Nhiệm vụ & nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:**

**+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế:**

⚫*Một là,* thể chế hóa đầy đủ quyền tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

⚫*Hai là,* tiếp tục hoàn thiện pháp luật về đất đai để huy động và sử dụng hiệu quả đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất lãng phí.

⚫ *Ba là,* hoàn thiện pháp luật về quản lí, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

⚫*Bốn là,* hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước, sử dụng có hiệu quả các tài sản công, phân biệt rõ tài sản đưa vào kinh doanh và tài sản để thực hiện mục tiêu chính sách xã hội.

⚫ *Năm là,* hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan đến sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích đổi mới, sáng tạo, đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

⚫ *Sáu là,* hoàn thiện khung pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự theo hướng thống nhất đồng bộ.

⚫ *Bảy là,* hoàn thiện thể chế cho sự phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

**+ Hoàn thiện chế độ phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường:**

⚫ *Một là,* hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường.

⚫ *Hai là,* hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các loại thị trường.

**­+ Hoàn thiện thể chế để dảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội:** Xây dựng hệ thống thể chế có thể kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế nhanh và bền vững với phát triển bền vững, thực hiện tiến bộ xã hội, tạo cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội tham gia và hưởng thụ công bằng thành quả của quá trình phát triển.

**+ Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế:**

⚫ *Một là,* tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh hệ thống pháp luật và các thiết chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

⚫ *Hai là,* thực hiện nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong hợp tác kinh tế quốc tế, không để bị lệ thuộc vào một số ít thị trường.

**+ Hoàn thiện thể chế nâng cao năng lực hệ thống chính trị:** Xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa.

**Câu 18:**

**- KN:** Cách mạng công nghiệp là những bước nhảy vọt về chấ trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kĩ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kĩ thuật – cộng nghệ đó vào đời sống xã hội.

**- Vai trò của vai trò cách mạng công nghiệp:**

**+** *Một là,* thúc đẩy sự phát triển của các lực lượng sản xuất: Cách mạng công nghiệp giúp các lực lượng sản xuất áp dụng khoa học công nghệ mới vào quy trình sản xuất để tăng năng suất & chất lượng

**+** *Hai là,* thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất: Cách mạng công nghiệp đưa các phương thức sản xuất mới bằng việc đưa máy móc vào làm việc thay lao động con người đã hoàn thiện quy mô & quan hệ sản xuất.

**+** *Ba là,* thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển: Thay vì quản lí bằng sổ sách, giấy tờ thì cuộc cách mạng công nghiệp đã thay đổi các quản lí bằng quản lí điện tử qua các thiết bị thông tin.

**-Phương thức thích ứng của Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0:**

+ Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo.

+ Thứ hai, nắm bắt và đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 .

+ Thứ ba, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với những tác động tiêu cực của Cách mạng công nghiệp 4.0:

⚫ Xây dựng và phát triển hạ tầng kĩ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông.

⚫ Phát triển ngành công nghiệp.

⚫ Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiệ đại hóa nông nghiệp , nông thôn.

⚫ Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, tạo điều kiện để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

⚫ Phát huy những lợi thế trong nước để phát triển du lịch, dịch vụ.

⚫ Phát triển hợp lí các vùng lãnh thổ.

⚫ Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

⚫ Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

**Câu 19:**

**-KN: Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia** là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực về quốc tế chung.

**- Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế:**

+ *Thứ nhất,* do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế: Xu thế toàn cầu hóa diễn ra từ thế kỉ XX đã có nhiều mặt tích cực trong việc phát triển nền kinh tế thế giới. Hiện nay các quốc gia lấy kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm và các quốc gia hình thành nhiều diễn đàn hợp tác kinh tế để cùng nhau phát triển kinh tế (ASEAN, EU, APEC,...). Vì vậy cần hội nhập với kinh tế quốc tế để phù hợp với xu thế khách quan đó.

+ *Thứ hai,* hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước, nhất là các nước đang và kém phát triển trong điều kiện hiện nay: Các nước kém phát triển hay đang phát triển khi hội nhập kinh tế sẽ được tiếp thu & học hỏi những tiến bộ về kinh tế, khoa học, kĩ thuật từ các nước phát triển để đưa đất nước phát triển phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

🡺 **Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam:**

**-Tác động tích cực:**

+ Mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước, tận dụng các lợi thế kinh tế của nước ta trong phân công lao động quốc tế.

+ Tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lí, hiện đại & hiệu quả hơn.

+ Nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia.

+ Làm tăng cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn tín dụng và đối tác quốc tế để thay đổi công nghệ sản xuất.

+ Tạo cơ hội để cải thiện tiêu dùng trong nước, người dân được thụ hưởng các sản phẩm hành hóa, dịch vụ đa dạng về chủng loại, mẫu mã và chất lượng với giá cạnh tranh.

+ Tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn tình hình và xu thế phát triển của thế giới.

+ Tiền đề cho hội nhập về văn hóa, tao điều kiện để tiếp thu những giá trị tinh hoa của thế giới.

+ Tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị, tạo điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa, xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh.

+ Tạo điều kiện để mỗi nước tìm cho mình một vị trí thích hợp trong trật tự quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu.

+ Đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực và quốc tế để tập trung cho phát triển kinh tế xã hội.

🡺 **Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế:**

+ Làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt khiến doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp khó khăn trong phát triển, thậm chí là phá sản, gây nhiều hậu quả bất lợi về kinh tế - xã hội.

+ Làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài.

+ Dẫn đến phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro cho các nước và các nhím khác nhau trong xã hội.

+ Nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế tự nhiên bất lợi.

+ Tạo ra một số thách thức đối với quyền lực Nhà nước, chủ quyền quốc gia và phát sinh nhiều vấn đề phức tạp đối với việc duy trì an ninh và ổn định trật tự an toàn, xã hội.

+ Tăng nguy cơ gia tăng của tình trạng khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia...

+ Làm gia tăng nguy cơ bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống Việt Nam bị xói mòn trước sự “Xâm lăng” của văn hóa nước ngoài.

**Câu 20:**

**-KN: Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia** là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực về quốc tế chung.

**-**  **Giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam:**

+ Thứ nhất, nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại:

⚫ Hội nhập kinh tế là một thực tiễn khách quan, là xu thế khách quan của thời đại, không một quốc gia nào có thể né tránh và quay lưng với hội nhập.

⚫ Cần thấy rõ mặt tích cực và mặt tiêu cực vì tác động của nó là đa chiều, đa phương tiện.

⚫ Về chủ thể tham gia hội nhập, Nhà nước là một chủ thể quan trọng nhưng không phải là duy nhất.

⚫ Thực tế hiện nay, chủ trương, đường lối, chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiên nghiêm túc.

+ Thứ hai, xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp:

⚫ Trước hết, cần đánh giá đúng được bối cảnh quốc tế, xu hướng vận động kinh tế, chính trị thế giới; tác động của toàn cầu hóa, của Cách mạng công nghiệp đối với các nước và cụ thể hóa đối với nước ta.

⚫ Đánh giá được những điều kiện khách quan và chủ quan có ảnh hưởng đến hội nhập kinh tế quốc tế.

⚫ Trong xây dựng chiến lược hội nhập kinh tế cần nghiên cứu kinh nghiệm của các nước nhằm đúc rút ra những bài học thành công và thất bại của họ để tránh đi vào những sai lầm mà các nước đã từng phải gánh chịu hậu quả.

⚫ Xây dựng phương hướng, mục tiêu, giải pháp hội nhập kinh tế phải đề cao tính hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và năng lực knih tế.

⚫ Chiến lược hội nhập kinh tế phải gắn liền với tiến trình hội nhập toàn diện đồng thời có tính mở, tính điều chỉnh linh hoạt.

⚫ Chiến lược hội nhập cần phải xác định rõ lộ trình hội nhập một cách hợp lí.

+ Thứ ba, tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong liên kết kinh tế quốc tế và khu vực:

⚫ Với tư cách là thành viên của các tổ chức kinh tế: WTO, ASEAN, APEC,... Việt Nam đã nỗ lực thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết và tích cực tham gia các hoạt động.

⚫ Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách chính sách thương mại theo hướng minh bạch và tự do hóa.

⚫ Việt Nam triển khai đầy đủ, nghiêm túc các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là cắt giảm thuế quan, mở cửa dịch vụ, đầu tư.

+ Thứ tư, hoàn thiện thể chế kinh tế và pháp luật.

⚫ Cần hoàn thiện cơ chế thị trường trên cơ sở đổi mới mạnh mẽ về sở hữu, coi trọng khu vực tư nhân, đổi mới sở hữu và doanh nghiệp Nhà nước; hình thành đồng bộ các loại thị trường; đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các hủ thểk inh tế.

⚫ Cải cách hành chính, chính sách kinh tế, cơ chế quản lí ngày càng minh bạch hơn, làm thông thường môi trường đầu tư, kinh doanh trong nước để thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

⚫ Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là luật pháp liên quan đến hội nhập kinh tế.

+ Thứ năm, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc tế của nền kinh tế:

⚫ Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp vượt qua những thách thức của thời kì hội nhập.

⚫ Nhà nước cần chủ động, tích cực tham gia đầu tư và triển khai các dự án nguồn nhân lực.

+ Thứ sáu, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam:

⧫ Nền kinh tế độc lập tự chủ là nền kinh tế không bị lệ thuộc, phụ thuộc các nước khác, người khác, hoặc vào một tổ chức kinh tế nào đó về đường lối, chính sách phát triển, không bị bất cứ ai dùng những điều kiện kinh tế, tài chính, thương mại viện trợ,... để áp đặt, khống chế, làm tổn hại chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc.

⧫ Để xây dựng thành công nền knih tế độc lập tự chủ đi đôi với tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện một số biện pháp:

★ Hoàn thiện, bổ sung đường lối chung và đường lối kinh tế, xây dựng và phát triển đất nước.

★Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

★ Đẩy mạnh quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng yêu cầu và lợi ích của đất nước trong quá trình phát triển.

🡺Hội nhập kinh tế cũng tạo nên những thách thức đối với nhiệm vụ giữ vững độc lập, tự chủ.

* Để có hội nhập hiệu quả, không thể tuyệt đối hóa độc lập, tự chủ và quan niệm về độc lập, tự chủ là bất biến.

